

**QUYẾT ĐỊNH
PHÚC THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

**V/v Yêu cầu xác định kỷ phần sở hữu trong khối tài sản chung để
thi hành án**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Thanh Toàn;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Triều;

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

Thư ký phiên họp: Ông Lê Văn Giang;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên họp:

Bà Đỗ Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang mở phiên họp phúc thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 124/2019/TLPT-DS ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc “Yêu cầu xác định kỷ phần sở hữu trong khối tài sản chung để thi hành án”.

Do Quyết định sơ thẩm số 202/2018/QĐST-DS ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè bị kháng cáo.

Theo Quyết định mở phiên họp phúc thẩm giải quyết việc dân sự số 149/2019/QĐ-PT ngày 12 tháng 4 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Lê Thị X, sinh năm 1970; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1948; (xin vắng mặt)

2/. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1971; (có mặt)

3/. Chị Huỳnh Thị L, sinh năm 1972; (có mặt)

4/. Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1992; (xin vắng mặt)

5/. Anh Nguyễn Hoàng K, sinh năm 1991; (xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị C, Nguyễn Văn L, Huỳnh Thị L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng K.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo án sơ thẩm,

* *Người yêu cầu chị Lê Thị X trình bày:* Anh Nguyễn Văn L và chị Huỳnh Thị L là người phải thi hành án trả cho chị số tiền 30 chỉ vàng 24K và 83.300.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả theo quyết định số 79/2017/QĐST-DS ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, trong quá trình Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè đưa bản án ra thi hành nhưng anh L và chị L không thi hành, do anh L và chị L không có tài sản để thi hành án ngoài phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở thửa số 165, tờ bản đồ 14, diện tích 4.666,8m², được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00468 ngày 21/10/2014 và thửa đất số 387, tờ bản đồ số 22, diện tích 652,6m², được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00469 ngày 09/9/2014. Cả hai thửa đất này cấp cho hộ do bà Nguyễn Thị C là mẹ ruột anh L đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cả hai thửa đất này tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Trong hộ bà Nguyễn Thị C tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện nay có các thành viên sau: Bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn L, chị Huỳnh Thị L, anh Nguyễn Hoàng L, anh Nguyễn Hoàng K.

Chị X yêu cầu xác định kỹ phần tài sản của anh L và chị L mỗi người được hưởng là 1/5 ở thửa đất số 165, tờ bản đồ 14, diện tích 4.666,8m² và đất số 387, tờ bản đồ số 22, diện tích 652,6m².

* *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn L, chị Huỳnh Thị L, anh Nguyễn Hoàng L, anh Nguyễn Hoàng K đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt và cũng không có ý kiến gì về yêu cầu của chị X.

* Tại Quyết định số 202/2018/QĐST-DS ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè đã quyết định:

- Căn cứ khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm d khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 365, Điều 366, Điều 367, Điều 369; Điều 370, Điều 371 và Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1/ Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị X.

- Xác định phần đất thừa số 165, tờ bản đồ 14, diện tích 4.666,8m², được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00468 ngày 21/10/2014 và thửa đất số 387, tờ bản đồ số 22, diện tích 652,6m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00469 ngày 09/9/2014 là tài sản chung của hộ bà C gồm có 05 người: Bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn L, chị Huỳnh Thị L, anh Nguyễn Hoàng L, anh Nguyễn Hoàng K.

- Xác định kỹ phần tài sản của anh Nguyễn Văn L và chị Huỳnh Thị L mỗi người được hưởng là 1/5 ở thửa số đất thừa số 165, tờ bản đồ 14, diện tích 4.666,8m², được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00468 ngày 21/10/2014 và thửa đất số 387, tờ bản đồ số 22, diện tích 652,6m², được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00469 ngày 09/9/2014. Cả hai thửa đất này tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Về lệ phí: Chị Lê Thị X chịu 300.000 tiền lệ phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền lệ phí chị X đã nộp theo biên lai thu số 09282 ngày 20/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, xem như chị X đã nộp xong lệ phí.

Ngoài ra quyết định còn tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

*. Ngày 13/11/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị C, Nguyễn Văn L, Huỳnh Thị L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng K kháng cáo yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 202/2018/QĐST-DS ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Tại phiên họp phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị C, Nguyễn Văn L, Huỳnh Thị L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị X không đồng ý với yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết yêu cầu.

- Đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự của Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng giải quyết việc dân sự nghị án đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Quyết định sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở. Đất cấp cho hộ bà C gồm có 05 người trong đó có anh L, chị L nên nguyên đơn yêu cầu chia tài sản chung trong hộ là có căn cứ. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị C, Nguyễn Văn L, Huỳnh Thị L, Nguyễn Hoàng L, Nguyễn Hoàng K kháng cáo nhưng không có chứng cứ, tài liệu gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Đề nghị giữ nguyên quyết định sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của các đương sự nhận thấy: Căn cứ Quyết định số 79/2017/QĐST- DS ngày 24/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang thì anh L, chị Lê có nghĩa vụ trả cho chị X số tiền 30 chỉ vàng 24K, 83.300.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả nhưng anh L, chị L không tự nguyện thi hành án. Sau khi xác minh điều kiện thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xác định anh L, chị L có chung tài sản là quyền sử dụng đất thuộc thửa số 165, tờ bản đồ 14, diện tích 4.666,8m² và đất số 387, tờ bản đồ số 22, diện tích 652,6m² tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang, cấp bà Nguyễn Thị C là mẹ ruột anh L đại diện hộ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Căn cứ biên bản xác minh ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè thì vào thời điểm từ ngày 01/9/2014 đến ngày 01/11/2018 hộ bà C có 05 thành viên gồm: Bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn L, chị Huỳnh Thị L, anh Nguyễn Hoàng L và anh Nguyễn Hoàng K. Hộ bà C được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00468 ngày 21/10/2014 đối với thửa số 165, tờ bản đồ 14, diện tích 4.666,8m² và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00469 ngày 09/9/2014 đối với thửa đất số 387, tờ bản đồ số 22, diện tích 652,6m² do bà C đại diện hộ đứng tên. Ngoài ra, tại biên bản xác minh tại UBND xã H, huyện C ngày 01/11/2018 cũng đã thể hiện thửa đất số 165, tờ bản đồ 14, diện tích 4.666,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00468 ngày 21/10/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Nguyễn Thị C. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị X xác định phần đất tại thửa số 165, tờ bản đồ 14, diện tích 4.666,8m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00468 ngày 21/10/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Nguyễn Thị C và phần đất thửa đất số 387, tờ bản đồ số 22, diện tích 652,6m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00469 ngày 09/9/2014 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ bà Nguyễn Thị C là tài sản chung của bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn L, chị Huỳnh Thị L, anh Nguyễn Hoàng L và anh Nguyễn Hoàng K và anh Nguyễn Văn L, chị Huỳnh Thị L mỗi người được 1/5 quyền sở hữu đối với quyền sử dụng thửa đất số 165 và thửa số 387 là đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên họp phúc thẩm, bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn L, chị Huỳnh Thị L, anh Nguyễn Hoàng L và anh Nguyễn Hoàng K không cung cấp

được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng phúc thẩm nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 375 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 9 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm d khoản 2 Điều 39, Điều 361, Điều 365, Điều 366, Điều 367, Điều 369; Điều 370, Điều 371 và Điều 372 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn L, chị Huỳnh Thị L, anh Nguyễn Hoàng L và anh Nguyễn Hoàng K.

Giữ nguyên Quyết định số 202/2018/QĐST-DS ngày 05/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện C.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị X.

- Xác định phần đất thửa số 165, tờ bản đồ 14, diện tích 4.666,8m², được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00468 ngày 21/10/2014 và thửa đất số 387, tờ bản đồ số 22, diện tích 652,6m² được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00469 ngày 09/9/2014 là tài sản chung của hộ bà C gồm có 05 người: Bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn L, chị Huỳnh Thị L, anh Nguyễn Hoàng L, anh Nguyễn Hoàng K.

- Xác định kỹ phần tài sản của anh Nguyễn Văn L và chị Huỳnh Thị L mỗi người được hưởng là 1/5 ở thửa số đất thửa số 165, tờ bản đồ 14, diện tích 4.666,8m², được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00468 ngày 21/10/2014 và thửa đất số 387, tờ bản đồ số 22, diện tích 652,6m², được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00469 ngày 09/9/2014. Cả hai thửa đất này tọa lạc tại ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2/ Về lệ phí:

- Chị Lê Thị X chịu 300.000 tiền lệ phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền lệ phí chị X đã nộp theo biên lai thu số 09282 ngày 20/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, xem như chị X đã nộp xong lệ phí.

- Bà Nguyễn Thị C, anh Nguyễn Văn L, chị Huỳnh Thị L, anh Nguyễn Hoàng L và anh Nguyễn Hoàng K phải chịu 300.000 đồng lệ phí phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền lệ phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 09407 ngày 13/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, xem như đã nộp xong lệ phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CC THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Lê Thanh Toàn